

THERAVĀDA

LUẬT TẬP YẾU
KHUDDASIKKHĀ

GIẢNG SƯ
SAYADAW U KUṄḌADHĀNA

BHIKKHU PAVARADHAMMIKA
PHIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH

BUỔI 1

DIỆU NHÃN CHUYỂN DỊCH
NGUYÊN NHƯ TRÌNH BÀY

KHUDDASIKKHĀ LUẬT TẬP YẾU

Hôm nay là lần đầu tiên Thầy dạy về Luật -Vinaya online - trực tuyến. Thầy cũng được nghe chia sẻ rằng Việt Nam hiện tại chưa có bản dịch của Chú Giải Tạng Luật.

Khuddasikkhā

Khudda *means small/ in brief* : Có nghĩa là nhỏ, tóm tắt, tóm lược, là bản chú giải nhỏ.

Sikkhā *means 3 Sikkhas / trainings (Tipitaka, all teachings of The Buddha)*: Có nghĩa là ba sự thực hành. Tam Tạng, tất cả giáo Pháp của Đức Phật tổng hợp lại thì gồm có ba Sikkhā:

1. **Adhisīla** – *Higher morality*: Là giới cao thượng, thắng giới. Chỉ trong thời kỳ giáo Pháp của Đức Phật mới có Adhisīla, còn bên ngoài thời kỳ giáo Pháp của Đức Thế Tôn thì sẽ không có thắng giới Adhisīla.

SIKKHĀ 3 SỰ THỰC HÀNH



Adhipañña
Higher wisdom
Thắng trí

Adhicitta
Higher thought
Thắng ý

Adhisīla
Higher morality:
Thắng giới

2. **Adhicitta** – *Higher thought/ concentration of mind which is the base of vipassanā*: Là thắng ý, tâm cao thượng tối thắng hoặc là tâm định. Chỉ có trong thời kỳ giáo Pháp của Đức Thế Tôn mới có định Adhicitta, và tâm định này chính là nền tảng để hành thiền Vipassanā. Bên ngoài giáo Pháp của Đức Phật cũng có sự thực hành thiền định, cũng có 8 thiền chứng nhưng những thiền chứng này không phải là nền tảng để thực hành thiền Vipassanā. Trong thời kỳ của Giáo Pháp của Đức Phật (Buddha-sāsana) thì Adhicitta làm nền tảng để thực hành thiền Vipassanā. Thêm nữa Adhicitta ở đây phải là an chỉ định (sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền) và tối thiểu phải là cận định (upacāra-samādhi) mới có thể là nền tảng để thực hành thiền Vipassanā. Một số hành giả họ thực hành thiền Niệm Ân Đức Phật – Buddhānussati và đạt tới cận định và dùng cận định này làm nền tảng để hành thiền Vipassanā.

3. **Adhipañña** – *Higher wisdom/ insight knowledge/ vipassanā knowledge*: Là thắng trí, trí tuệ cao thượng hay là tuệ Vipassanā. Từ tuệ Vipassanā thì mới có thể chứng được Đạo và Quả, chính vì thế mới được gọi là Adhipañña (thắng tuệ).

So, Khudda-Sikkha means 3 trainings in brief. This book shows/explains 3 trainings in brief, therefore this book is also called Khudda-Sikkhā metaphorically (as Kāraṇūpacāra) Practicing these 3 trainings is the duty of Bhikkhu.

Khuddha là nhỏ, sikkhā là học pháp hay sự thực hành. Như vậy thì Khuddasikkhā có nghĩa là: "Tóm Tắt về Ba Sự Thực Hành". Trong Khuddasikkhā thì không chỉ nói về Giới Luật (Vinaya) mà cũng nói về ba sự thực hành (Giới, Định, Tuệ). Và hơn nữa trong quyển Khuddasikkhā này còn bao gồm cả Kinh (Sutta) và Abhidhamma (Vi Diệu Pháp). Nhưng trong cuốn sách này nói về Vi Diệu Pháp và Kinh ít hơn, chủ yếu nói về Luật Vinaya nên được gọi là

Khuddasikkhā – Luật Tập Yếu theo cách nói ẩn dụ. Ba sự thực hành này là nghĩa vụ và bốn phận của vị Bhikkhu (Tỳ-kheo). Nhưng nhiều khi trong từ Bhikkhu (Tỳ-kheo) này không chỉ nói về các vị xuất gia mà còn nói về tất cả các hành giả đang hành thiền.

*Why or for what benefit, it should be practiced?
To reach Nibbāna, the end of suffering.*

Tại sao chúng ta phải thực hành ba Khuddasikkhā này? Bởi vì mục đích cuối cùng chính là chứng ngộ Niết Bàn và kết thúc mọi khổ đau. Chúng ta có muốn chứng ngộ Niết Bàn, kết thúc khổ đau hay không? Nếu chúng ta muốn kết thúc tất cả mọi khổ đau thì chúng ta phải thực hành ba sự thực hành Khuddasikkhā về (Giới, Định, Tuệ).

Bây giờ thầy sẽ tụng đoạn kệ trong
Khuddasikkhā:

Ādito upasampanna-sikkhitabbaṃ samātikaṃ;
Khuddasikkhaṃ pavakkhāmi, vanditvā
ratanattayaṃ.

Trong cuốn sách này thì lời mở đầu soạn giả đánh
lễ tới Tam Bảo trước khi đi vào biên soạn sách.
Tam Bảo ở đây có nghĩa là Phật, Pháp và Tăng.
Do vậy trước khi bước vào buổi học Luật Vinaya
chúng ta hãy cùng cung kính đánh lễ tới Tam Bảo.

Dưới đây là ba bản tiếng Pāli, tiếng Anh và tiếng
Việt.

Arahaṃ sammā-sambuddho bhagavā...

Buddhaṃ bhagavantaṃ abhivādemi.

The Blessed One is Worthy and Rightly Self-awakened.

I bow down before the Awakened, Blessed One.

**Con cúi đầu đánh lễ Đức Thế Tôn, Bạc Ứng Cúng,
Chánh Đẳng, Chánh Giác.**

***Svākkhāto bhagavatā dhammo...
Dhammaṃ namassāmi.***

**The Dhamma is well-proclaimed by the Blessed One.
I pay homage to the Dhamma.**

**Con xin cúi đầu đánh lễ Giáo Pháp do Đức Thế Tôn
Khéo Thuyết Giảng.**

***Suppaṭipanno bhagavato sāvaka-Saṃgho...
Saṃghaṃ namāmi.***

**The Saṅgha of the Blessed One's disciples has practiced
well. I pay respect to the Saṅgha.**

**Con xin cúi đầu đánh lễ Chư Tăng đệ tử của Đức Thế
Tôn, Các Ngài là bậc khéo thực hành.**

Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu vào bài học ngày hôm nay:

“LUẬT TẬP YẾU – Khuddasikkhā”

Ganthārambhakathā

Ādito upasampanna-sikkhitabbam

samātikam;

Khuddasikkhā pavakkhāmi, vanditvā ratanattayam.

Câu kệ mở đầu là Ganthārambhakathā.

Ganthārambha: Có nghĩa là soạn giả nguyện khởi sự tinh tấn để bắt đầu viết cuốn sách này. Thường thì trong Ganthārambhakathā, đầu tiên tác giả sẽ viết giới thiệu về cuốn sách, thứ hai là đánh lễ tới Tam Bảo.

Ādito: Có hai nghĩa. nghĩa đầu tiên là sự bắt đầu, nghĩa thứ hai có nghĩa là trước nhất.

Vanditvā: Có nghĩa là đánh lễ, cung kính, lễ bái.

Ratanattayaṃ: Có nghĩa là Tam Bảo (Đức Phật, Pháp và Tăng)

Câu này có ý nghĩa là: "Đầu tiên con xin đánh lễ đến Tam Bảo".

Ādito upasampanna: Có nghĩa là sự khởi đầu của vị xuất gia Tỳ-kheo. Khi vị Tỳ-kheo xuất gia tại Sīma thì đó được gọi là sự khởi đầu của đời sống xuất gia.

Upasampanna: Có nghĩa là người xuất gia (Tỳ-kheo).

Sikkhitabbam: Có nghĩa là cần phải được thực hành.

Upasampanna-sikkhitabbam: Có nghĩa là các Pháp mà người xuất gia cần phải được thực hành.

Như vậy thì vị Tỳ-kheo, bậc xuất gia phải thực hành Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu) và tất cả các Pháp nằm ở trong Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu).

**Vị Tỳ-kheo, bậc xuất gia phải
thực hành Khuddasikkhā
(Luật Tập Yếu) và tất cả các
Pháp nằm ở trong
Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu)**

Pavakkhāmi: Có nghĩa là Tôi sẽ nói, nhưng pavakkhāmi trong trường hợp này thì có nghĩa là soạn giả nhận nhiệm vụ để biên soạn Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu).

Trong quyển Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu) thì như thầy đã trình bày ở trên, đây không chỉ có Luật (Vinaya) mà còn có các Pháp ở trong này nữa. Chính vì Sutta (Kinh) và Abhidhamma (Vi Diệu Pháp) ít hơn mà chủ yếu nói về Luật – Vinaya nên được gọi là Luật Tập Yếu.

Như chúng ta cũng biết Abhidhammatthasaṅgaha có nghĩa là Vi Diệu Pháp Tập Yếu. Thì ở đây cũng có là Vinaya - Luật Tập Yếu. Có rất nhiều hành giả học về Abhidhammatthasaṅgaha để hiểu về Vi Diệu Pháp, tương tự như vậy thì cũng có rất nhiều vị Tỳ-kheo Bhikkhu và Sayadaw đã học Luật Tập Yếu để hiểu rõ về Luật. Không chỉ là người xuất gia Tỳ-kheo mà hàng Cư Sĩ cũng nên học Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu).

**Không chỉ là người xuất gia
Tỳ-kheo mà hàng Cư Sĩ
cũng nên học Khuddasikkhā
(Luật Tập Yếu)**

Tại sao hàng Cư Sĩ cũng phải học về Luật Tập Yếu? Bởi vì nó rất là có ý nghĩa. Nếu không hiểu

về Luật thì người đó không thể nào Hoằng Dương Chánh Pháp và hỗ trợ Chánh Pháp được. Còn nếu biết Luật thì họ có thể dễ dàng hộ độ, Hoằng Dương Chánh Pháp theo đúng với Giới Luật của Đức Phật.

Thời ngày xưa ở Miến Điện có một vị vua tên là Dhammacetiya Vị vua này đã hỏi một vị trưởng lão Sayadaw rằng: "Con muốn Hoằng Dương Chánh Pháp thì phải làm như thế nào?" Sau đó thì vị trưởng lão này đã dạy cho vị vua về Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu). Tiếng Miến Điện gọi là Dhamma – Zê-Ti. Do vậy vị vua đó đã học về Khuddasikkhā (Luật Tập Yếu) để Hoằng Dương Chánh Pháp và vị đó cũng đã cúng dường rất nhiều Sīma (Nơi Kiết Giới Tỳ Kheo) ở khắp nước Miến Điện đặc biệt là tại bang Mon - Miến Điện. Vị vua này đã giữ giới rất là nghiêm ngặt chính vì thế mà vị đó cũng có rất nhiều sự nghi ngờ rằng: "Các vị Tỳ-kheo đó có phải thực sự là Tỳ-kheo hay không?". Chính vì vậy mà vị vua này đã gửi rất nhiều vị Tỳ-kheo sang Tích Lan (Sri Lanka) để xuất gia lại. Các vị Tỳ-kheo này đã

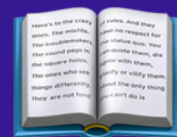
xuất gia tại dòng sông Kalyānī ở Sri Lanka và sau đó các Ngài đã quay trở về Myanmar để kiết giới Sīma trở lại. Thực ra ở Miến Điện đã có Sīma Kiết Giới rồi nhưng các Ngài vẫn tiếp tục thành lập thêm các Sīma khác và đều đặt tên là Kalyānī. Các vị đó đã Kiết Giới Sīma ở tại rất nhiều thành phố khác nhau ở Miến Điện, và thành phố Mawlamyaing cũng có một Sīma Kalyānī. Như vậy không chỉ các vị tỳ kheo nên học Luật Tập Yếu mà hàng cư sĩ cũng nên học Luật Tập Yếu Khuddasikkhā.

KHUDDASIKKHĀ LUẬT TẬP YẾU

Thế kỷ
thứ 11

2021

Là Bộ Chú Giải nhỏ
Được viết bởi ngài Dhammasiri
Có khoảng 500 câu kệ



Theo truyền thống Miến Điện thì Khuddasikkhā không phải là phụ chú giải mà là bộ chú giải nhỏ. Quyển sách này được viết từ rất lâu bởi một Ngài trưởng lão tên là Dhammasiri vào thế kỷ thứ 11, còn bản dịch sang tiếng Tích Lan (Sri Lanka) cách đây 131 năm trước. Khuddasikkhā là Luật Tập Yếu cho nên rất là nhiều các vị Sayadaw đã học thuộc lòng bởi vì nó chỉ có khoảng 500 câu kệ thôi, rất là ngắn phải không? Chúng ta có ý định học thuộc hết tất cả khoảng 500 câu kệ này hay không? Nếu bình thường không học thuộc thì chúng ta sẽ khó mà giải thích một cách rõ ràng.

Khuddasikkhā - Luật Tập Yếu này không chỉ có các vị Tỷ-kheo học đâu mà tất cả các hàng Cư Sĩ cũng nên học, đặc biệt là những cư sĩ hộ giới Kappiya chắc chắn phải học. Khi mà Kappiya hiểu về Khuddasikkhā - Luật Tập Yếu thì sẽ rất dễ dàng để hộ độ cho các vị Tỷ-kheo chư tăng, còn nếu mà không hiểu thì sẽ rất khổ cho các vị Kappiya. Thêm nữa khi học Khuddasikkhā - Luật Tập Yếu này sẽ giúp chúng ta loại bỏ những hoài nghi về giới luật - Vinaya.

Thầy cho một ví dụ ở Hà Nội:

Cách đây vài năm thì Ngài Đại Trưởng Lão Pa Auk Sayadawgyi cùng một số chư tăng được nhóm Phật Tử ở Hà Nội, Đà Lạt, Thành Phố Hồ Chí Minh thỉnh mời các Ngài tới Việt Nam. Việt Nam là một đất nước rất là tuyệt vời bởi vì có rất nhiều Phật tử và rất nhiều người hộ độ chư tăng. Lúc ấy thì Ngài Đại Trưởng Lão Pa Auk Sayadawgyi không hiểu tiếng Việt còn Kappiya thì lại không hiểu tiếng Anh. Nhưng vì các vị Kappiya này có tín tâm nơi Ngài Pa Auk Sayadawgyi và Chư Tăng cho nên các vị Kappiya cũng đã ở cùng trú xứ với các Ngài để thuận tiện hơn cho việc hộ độ các vị. Các Ngài cứ tưởng là Kappiya (hộ tăng) đã biết giới luật.

Khoảng 2, 3 ngày thì Kappiya bạch với chư tăng: "Chúng con đã không ngủ mấy đêm nay".

- Các Ngài ngạc nhiên hỏi: "***Tại sao lại không ngủ?***".

Các vị Kappiya trả lời: "Bởi vì theo như giới luật thì hàng cư sĩ không thể ngủ chung trong cùng một trú xứ với chư tăng, do vậy họ đã chịu khổ và vất vả rất là nhiều trong 2-3 đêm đó".

- Lúc đó các Ngài đã giải thích rằng: ***"Luật không phải như vậy! Chư tăng và Kappiya - Cận sự nam có thể ngủ chung trong cùng một trú xứ nhưng phải dậy trước rạng đông.***

Đương nhiên là vào lúc rạng đông thì Tỳ-kheo cũng không còn ngủ nữa và Kappiya cũng không còn ngủ lúc rạng đông nữa. Theo truyền thống của trung tâm thiên Pa Auk thì 4 giờ sáng là giờ phải tụng kinh, thế nên giờ ấy cũng không còn ai ngủ thêm. Chính vì thế mà sau khi Kappiya hiểu được thì họ mới có thể thoải mái và hoan hỷ hơn. Do vậy tất cả các Kappiya - Hộ tăng phải nên học luật Vinaya. Bên cạnh đó thì nhiều vị Kappiya cũng có rất nhiều hoài nghi về những thứ được phép hay không được phép vì vậy họ không hoan hỷ được. Nhiều lúc họ không chỉ sợ Ngài Pa Auk Sayadawgyi mà còn sợ cả các thầy, vì sợ nên họ

không dám hỏi các Ngài về Luật. Có thể là do các vị không hiểu tiếng Anh và cũng không hiểu về Luật, chính vì thế mà hôm nay nhiệm vụ của người thông dịch rất là quan trọng là dịch lại cho mọi người hiểu về Luật.

**Ādito upasampanna-sikkhitabbam
samātikam;
Khuddasikkhā pavakkhāmi, vanditvā
ratanattayam.
Tatrāyam mātikā –**

Như vậy thì câu kệ này có nghĩa là:

"Tôi là Dhammasiri sẽ trước tiên đánh lễ Tam Bảo và sau đó là tôi xin được viết lại cuốn Khuddasikkhā - Luật Tập Yếu và tất cả nội dung của Tạng Luật.

Tiếp theo là:

Ở Tatrāyam: Có nghĩa là ở đó có.

**Ādito upasampanna-
sikkhitabbaṃ
samātikaṃ:
Khuddasikkhā
pavakkhāmi, vanditvā
ratanattayaṃ.
Tatrāyaṃ mātikā -**

**"Tôi là Dhammasiri sẽ
trước tiên dành lễ Tam
Bảo và sau đó là tôi xin
được viết lại cuốn
Khuddasikkhā – Luật
Tập Yếu và tất cả nội
dung của Tạng Luật.**

Mātikā: Có nghĩa là tất cả các mục lục, nội dung

Tatrāyaṃ mātikā: Có nghĩa là ở đó có tất cả các mục lục của Tạng Luật.

Đoạn kệ mở đầu bằng tiếng Pāli:

Ganthārambhakathā

(Ka) Ādito upasampanna-sikkhitabbaṃ
samātikaṃ;

Khuddasikkhā pavakkhāmi, vanditvā
ratanattayaṃ.

Tatrāyaṃ mātikā –

(Kha) Pārājikā ca cattāro, garukā nava
cīvaraṃ;

Rajanāni ca patto ca, thālakā ca pavāraṇā.

(Ga) Kālikā ca paṭiggāho, maṃsesu ca
akappiyaṃ;

Nissaggiyāni pācitti, samaṇakappa bhūmiyo.

(Gha) Upajjhācariyavattāni,
vaccappassāvathānikaṃ;

Āpucchakaraṇaṃ naggo, nhānakappo
avandiyo.

(Ña) Cammaṃ upāhanā ceva,
anolokiyamañjanī;

Akappiyasayanāni, samānāsanikopi ca.

(Ca) Asaṃvāsiko ca kammaṃ,
micchājīvavivajjanā;

Vattaṃ vikappanā ceva, nissayo
kāyabandhanaṃ.

(Cha) Pathavī ca parikkhāro,
bhesajjuggahadūsanam;
Vassūpanāyikā cevāvebhaṅgiyaṃ
pakiṇṇakaṃ.

(Ja) Desanā chandadānādi,
uposathappavāraṇā;
Saṃvaro suddhi santoso, caturakkhā
vipassanāti.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.
Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ
các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên
thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;
Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất
cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần
phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!